

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Số: 15 /2022/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bạc Liêu, ngày 13 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định định mức phân bổ và mức chi cho một số nội dung trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Xét Tờ trình số 180/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh “về việc thông qua dự thảo nghị quyết ban hành Quy định định mức phân bổ và mức chi cho một số nội dung trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu”; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo nghị quyết này Quy định định mức phân bổ và mức chi cho một số nội dung trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh “*về định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*”.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu Khóa X, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND; UBNDTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính; Sở Tư pháp;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu (NH). 



CHỦ TỊCH 

Lữ Văn Hùng



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Định mức phân bổ và mức chi cho một số nội dung
trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật
và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**
*(Kèm theo Nghị quyết số 13 /2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định định mức phân bổ và mức chi cho một số nội dung trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Chương II

NỘI DUNG ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VÀ MỨC CHI CHO MỘT SỐ NỘI DUNG TRONG HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 3. Mức chi cho một số nội dung trong các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi						
			Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp xã		
			Nghị quyết	Quyết định	Nghị quyết	Quyết định	Nghị quyết	Quyết định	
I	Chi soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo văn bản								
1	Văn bản mới hoặc thay thế	1.000 đồng / đề cương	1.500	1.000	750	500	500	400	
2	Văn bản sửa đổi, bổ sung		950	600	500	300	300	300	
3	Văn bản bãi bỏ		500	500	500	300	300	300	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi					
			Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp xã	
			Nghị quyết	Quyết định	Nghị quyết	Quyết định	Nghị quyết	Quyết định
II	Chi soạn thảo văn bản							
1	Văn bản mới hoặc thay thế	1.000 đồng / văn bản	4.800	3.000	2.300	1.500	1.500	1.300
2	Văn bản sửa đổi, bổ sung		4.000	2.500	2.000	1.300	1.300	1.000
3	Văn bản bãi bỏ		3.000	2.000	1.500	1.000	1.000	800
III	Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật:							
1	Tờ trình đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:							
a)	Văn bản mới hoặc thay thế	1.000 đồng / văn bản	3.000	2.000	1.500	1.000	1.000	800
b)	Văn bản sửa đổi, bổ sung		3.000	2.000	1.500	1.000	1.000	800
c)	Văn bản bãi bỏ		3.000	2.000	1.500	1.000	1.000	800
2	Bản tổng hợp, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý							
a)	Văn bản mới hoặc thay thế	1.000 đồng / bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý	900	800	700	600	600	400
b)	Văn bản sửa đổi, bổ sung		600	500	500	400	400	300
c)	Văn bản bãi bỏ		500	400	400	300	300	200
3	Báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, thành viên hội đồng thẩm định, báo cáo tham luận:							
a)	Văn bản mới hoặc thay thế	1.000 đồng / báo cáo	500	500	500	500	500	500
b)	Văn bản sửa đổi, bổ sung		300	300	300	300	300	300
c)	Văn bản bãi bỏ		300	300	300	300	300	300
4	Báo cáo đánh giá tác động chính sách	1.000 đồng / báo cáo	8.000	5.000	4.000	2.500	2.500	1.500
5	Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo (nếu trong dự án, dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới)	1.000 đồng / báo cáo	2.000	1.200	1.000	700	700	500

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi					
			Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp xã	
			Nghị quyết	Quyết định	Nghị quyết	Quyết định	Nghị quyết	Quyết định
6	Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản <i>(nếu trong dự án, dự thảo có quy định thủ tục hành chính)</i>	1.000 đồng / báo cáo	2.000	1.200	1.000	700	700	500
7	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	1.000 đồng / báo cáo	4.000	2.500	2.000	1.200	1.200	1.000
8	Báo cáo kinh nghiệm nước ngoài liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	1.000 đồng / báo cáo	3.000	1.800	1.500	1.000	1.000	800
IV	Soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản của cơ quan thẩm định, thẩm tra							
1	Văn bản góp ý	1.000 đồng / văn bản	350	350	300	250	250	250
2	Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra	1.000 đồng / báo cáo	750	750	700	650	650	650
V	Chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, tờ trình văn bản, dự thảo văn bản	1.000 đồng / lần chỉnh lý	300	300	300	300	300	300
VI	Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị và họp báo							
1	Tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ công tác xây dựng dự kiến chương trình, soạn thảo, đánh giá tác động, góp ý, thẩm định, thẩm tra văn bản; điều tra, khảo sát; theo dõi, đánh giá về tình hình thi hành pháp luật							
a)	Người chủ trì	1.000 đồng / người	150	150	120	120	100	100
b)	Các thành viên tham dự	đồng / cuộc họp	100	100	80	80	70	70

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi					
			Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp xã	
			Nghị quyết	Quyết định	Nghị quyết	Quyết định	Nghị quyết	Quyết định
c)	Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự	1.000 đồng/văn bản	400	250	200	150	150	100
2	Tham dự cuộc họp báo công bố văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền ký ban hành							
a)	Người chủ trì	1.000 đồng / người / cuộc họp	150	150	120	120	100	100
b)	Các thành viên tham dự		70	70	50	50	50	50

Điều 4. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật:

STT	Loại văn bản	Cấp ban hành	Định mức phân bổ (đồng/văn bản)	
			Nghị quyết	Quyết định
1	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân mới hoặc thay thế	Cấp tỉnh	30.000.000	20.000.000
		Cấp huyện	15.000.000	10.000.000
		Cấp xã	10.000.000	8.000.000
2	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung	Cấp tỉnh	24.000.000	16.000.000
		Cấp huyện	12.000.000	8.000.000
		Cấp xã	8.000.000	6.000.000

Định mức chi cho các nội dung trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật quy định tại Điều 3 là mức chi tối đa. Căn cứ điều kiện thực tế và dự toán ngân sách được giao, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có thể quyết định mức chi từng nội dung cụ thể thấp hơn mức chi quy định tại Điều 3, đảm bảo trong phạm vi dự toán được giao.

2. Kinh phí cho hoạt động thẩm định, thẩm tra đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (bao gồm cả kinh phí họp, nhận xét, báo cáo và các công việc khác liên quan đến công tác thẩm định):

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi					
			Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp xã	
			Nghị quyết	Quyết định	Nghị quyết	Quyết định	Nghị quyết	Quyết định
1	Kinh phí thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	1.000 đồng / nội dung	1.800	1.500	1.200	1.000	1.000	700
2	Kinh phí thẩm tra đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	1.000 đồng / nội dung	1.900	1.500	1.300	1.000	1.000	800
3	Kinh phí thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:							
a)	Văn bản mới hoặc thay thế	1.000 đồng / nội dung	1.000	1.000	700	700	700	600
b)	Văn bản sửa đổi, bổ sung	1.000 đồng / nội dung	700	700	500	500	500	300
c)	Văn bản bãi bỏ	1.000 đồng / nội dung	500	500	300	300	300	200
4	Kinh phí thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:							
a)	Văn bản mới hoặc thay thế	1.000 đồng / nội dung	1.000	1.000	800	800	800	700
b)	Văn bản sửa đổi, bổ sung	1.000 đồng / nội dung	800	800	500	500	500	400
c)	Văn bản bãi bỏ	1.000 đồng / nội dung	500	500	400	400	400	300

3. Ngoài định mức phân bổ kinh phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí, trong trường hợp cần thiết thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì sắp xếp, bố trí từ khoản kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị để hỗ trợ cho việc thực hiện các hoạt động có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

4. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định không ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã xây dựng xong hoặc dừng lại không xây dựng tiếp thì cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng văn bản được phép thanh, quyết toán phần kinh phí đã thực hiện tương ứng theo quy định về nội dung chi, mức chi tại Quy định này trên cơ sở chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

1. Những nội dung liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016, Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH